

Bản án số: 302/2019/HS-PT  
Ngày 29 tháng 5 năm 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Tuấn;  
*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên  
Ông Vũ Ngọc Huynh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 306/2018/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Công H và Nguyễn N; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2018/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Nguyễn Công H;** giới tính: Nam; sinh ngày 26/6/1959 tại Nam Định; thường trú: Số 8/20 đường Đ, Phường 24, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Nguyên Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cà phê V – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kiêm Giám đốc Trung tâm Xuất nhập khẩu Vinacafe; con ông: Nguyễn Công T (chết) và bà: Nguyễn Thị L; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ và 02 con (lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1989); tiền án Không, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 22/6/1986, Cục an ninh điều tra xét hỏi – Tổng cục An ninh nhân dân – Bộ Nội vụ có Quyết định khởi tố bị can số 731/QĐ khởi tố bị can Nguyễn Công H đã có hành vi buôn bán với người nước ngoài; tháng 8/1987,

Cục An ninh điều tra xét hỏi – Bộ Nội vụ đã kết thúc điều tra vụ án và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (Vụ 2C) đề nghị truy tố Nguyễn Công H cùng 04 bị can khác trong vụ án về tội “Buôn lậu” theo Điều 97 Bộ luật Hình sự. Ngày 01/02/1988, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã ra Quyết định di lý số 9/KSĐT-AN, di lý hồ sơ và các bị can trong vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để xử lý theo thẩm quyền. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành kiểm tra, rà soát tại kho lưu trữ hồ sơ, tuy nhiên không tìm thấy hồ sơ và kết quả giải quyết vụ án “Nguyễn Công H phạm tội Buôn lậu” (Công văn số 1761/VKS-P1 ngày 28/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội);

- Ngày 24/01/2018, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” (Bản án số: 24/2018/HS-ST). Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 20/4/2016 trong một vụ án khác (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H:* Luật sư Nguyễn Đức H - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. **Nguyễn N**; giới tính: Nam; sinh ngày 20/01/1957 tại: Phú Yên; thường trú: Số 417A N, Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: 1.13 Tầng 2, chung cư 351/31 Lô A, N, Phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ: Phòng 30 lầu 2, chung cư C, 351/31 N, Phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi từng cư trú: lô C1 V, cụm Công nghiệp N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Kinh doanh Tổng hợp Vinacafe Q; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N (chết) và bà: Đào Thị H (chết); hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ và 02 con (lớn sinh năm 1988; nhỏ sinh năm 1990); tiền án Không, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (bị bắt, tạm giam từ ngày 22/9/2016; ngày 28/4/2017, được thay thế sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú) (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn N:* Luật sư Nguyễn Bích L, Luật sư Nguyễn Thị H và Luật sư Vũ Thị Hạnh H - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Bị hại:* Tổng công ty cà phê V – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Địa chỉ: Số 211-213-213A đường T, Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Đặng Hồng T, sinh năm: 1975 - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cà phê V – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (có mặt).

2. Ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1976 - Chức vụ: Trưởng Ban đổi mới doanh nghiệp – Thanh tra Tổng công ty cà phê V – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn K, Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Tổng công ty cà phê V – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên – Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Luật sư Bùi Đình U – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đoàn Đình T (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 03 lô 2C đường T, khu đô thị T, phường Y, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

2. Ông Đỗ Văn N (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 6 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Số 30 đường T, phường O, quận Đ, thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Văn H (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 22 ngõ 6 đường 800A, phường N, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

4. Ông Nguyễn Văn M (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 66/10A P, Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Số 201B chung cư K, đường D, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M: Luật sư Ngô Thế T – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

5. Ông Đỗ Xuân H, sinh năm: 1966 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 113/28A (số mới: 238) đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; B5.8 chung cư P, Số 53 N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 18.08B chung cư M, 60/68 L, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Số 211-213-213A đường T, Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25D V, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

8. Bà Lê Anh T, sinh năm: 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Số 3 đường số 7, cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Bùi Thị Thanh L, sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 1C/1 N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Ngô Minh N, sinh năm: 1971 (xin xét xử vắng mặt);

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh S;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thu M – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch số 1 – Agribank chi nhánh S (có mặt).

3. Ngân hàng Kỹ thương V (Techcombank) chi nhánh Thành phố H (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Văn M (xin xét xử vắng mặt);

5. Ông Đỗ Xuân H, sinh năm: 1966 (xin xét xử vắng mặt);

6. Trung tâm Xuất nhập khẩu Vinacafe thuộc Tổng công ty cà phê V – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1980 - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xuất nhập khẩu Vinacafe (có mặt).

7. Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Cà phê Đt;

Địa chỉ: 115 Quốc lộ 20, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh N (xin xét xử vắng mặt).

8. Công ty Kinh doanh tổng hợp Vinacafe Q (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng công ty cà phê V – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là: Tổng công ty cà phê V, Tổng công ty) được thành lập theo Quyết định số 251/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng Chính phủ; được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Nhà nước lần đầu ngày 11/8/1995; ngành nghề kinh doanh: Trồng, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu cà phê, cây lương thực và các loại cây công nghiệp khác... Ngày 25/6/2010, Tổng công ty cà phê V chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được đăng ký doanh nghiệp ngày 16/11/2010, có chủ sở hữu là Thủ tướng Chính phủ, nguồn vốn: 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có tên đầy đủ là Tổng công ty cà phê V – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; có 16 chi nhánh hạch toán phụ thuộc, trong đó có Công ty Kinh doanh tổng hợp Vinacafe Q và Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe.

Công ty Kinh doanh tổng hợp Vinacafe Q (gọi tắt là Vinacafe Q): Công ty Kinh doanh tổng hợp Vinacafe Q tiền thân là Trạm kinh doanh tổng hợp (được thành lập theo Quyết định ngày 12/11/2002); ngày 01/4/2005, đổi tên thành Công ty Kinh doanh tổng hợp Vinacafe Q (Quyết định số 251/TCT-TCCB/QĐ), ngày 07/4/2005, được đăng ký kinh doanh với tư cách là đơn vị kinh tế trực thuộc công ty Nhà nước (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty cà phê V). Ngày 09/12/2010, Tổng công ty có Quyết định số 510/QĐ/TCT-TCCB thành lập chi nhánh với tên gọi: Chi nhánh Tổng công ty cà phê V – Công ty Kinh doanh tổng hợp Vinacafe Q; được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 21/12/2010; có trụ sở tại: Lô C1, đường Võ Thị Sáu, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng; tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Tổng công ty cà phê V và các quy chế, quy định khác có liên quan; ngành nghề kinh doanh chính là: Mua bán phân bón, chế biến mua bán nông sản... Người đại diện pháp luật là ông Nguyễn N, Giám đốc theo ủy quyền của Tổng công ty.

Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe (gọi tắt Trung tâm): Có tiền thân là Ban xuất khẩu, ngày 25/11/2009, Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe được thành lập theo Quyết định số 364/QĐ-TCCB và ngày 04/12/2009, được đăng ký hoạt động chi nhánh với tên gọi: Chi nhánh Tổng công ty cà phê V - Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe. Đến ngày 10/12/2010, Tổng công ty có Quyết định thành lập chi nhánh số 517/QĐ/TCT-TCCB và ngày 19/01/2011 thực hiện đăng ký hoạt động chi nhánh với tên gọi: Chi nhánh Tổng công ty cà phê V – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên – Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe; ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh cà phê, hồ tiêu, điều, cao su, lương thực,

nông sản... Trung tâm được sử dụng con dấu riêng; được mở tài khoản tại các ngân hàng tổ chức và hoạt động theo điều lệ tổ chức của Tổng công ty và các quy chế, quy định khác có liên quan; có trách nhiệm kế thừa mọi quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của các đơn vị trước đây chuyển giao. Người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Công H – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cà phê V, kiêm Giám đốc Trung tâm xuất nhập khẩu.

Vinacafe Q và Trung tâm đều là chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty, do Nhà nước sở hữu 100% vốn, hoạt động theo quy chế quản lý tài chính, kinh doanh và ủy quyền của Tổng công ty. Theo quy định của Chính phủ và Quy chế tài chính của Tổng công ty, việc huy động vốn của các chi nhánh phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ và có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

Ngày 03/8/2010, Nguyễn N (Giám đốc Vinacafe Q) và Nguyễn Công H (Giám đốc Trung tâm) đã ký Hợp đồng vay vốn số 01/10 TTXNK-VNQN (gọi tắt là Hợp đồng 01) với nội dung: Trung tâm xuất nhập khẩu (Bên A) vay của Vinacafe Q (Bên B) số tiền 50.000.000.000 đồng; mục đích để thu mua cà phê; thời hạn vay: Theo kế hoạch thu mua cà phê và xuất khẩu cà phê của bên A; lãi suất vay: 13%/năm, tiền lãi sẽ được chuyển trả sau khi thanh lý hợp đồng.

Kết quả xác minh tại Vinacafe Q thể hiện:

Thực hiện Hợp đồng 01, từ ngày 04/8/2010 đến ngày 15/11/2010, Vinacafe Q đã ký 21 Ủy nhiệm chi để chuyển cho Trung tâm tổng số tiền 116.800.000.000 đồng. Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe đã chuyển trả nợ 19 lần với tổng số tiền 71.783.380.000 đồng.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/12/2014, Trung tâm còn nợ Vinacafe Q số tiền 62.677.851.000 đồng, bao gồm nợ gốc 45.016.620.000 đồng và nợ lãi 17.661.231.000 đồng.

Trong Báo cáo tài chính năm 2010, Vinacafe Q hạch toán số tiền cho Trung tâm vay vào tài khoản 331 (trả trước cho người bán); Báo cáo tài chính từ năm 2011 đến tháng 6/2016, Vinacafe Q hạch toán số tiền nợ của Trung tâm vào tài khoản 1368 (phải thu nội bộ).

Khi thực hiện hợp đồng nói trên, Vinacafe Q không có phương án về việc cho vay vốn; không có văn bản nào báo cáo Tổng công ty và không được Tổng công ty đồng ý phê duyệt.

Về nguồn gốc số tiền 116.800.000.000 đồng cho Trung tâm vay: Vinacafe Q hoạt động kinh doanh chủ yếu bằng nguồn vốn vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Bình Định; số tiền cho Trung tâm vay là tiền Vinacafe Q thu từ việc bán phân bón cho các khách hàng, do chưa đến hạn trả nợ ngân hàng nên đã dùng để chuyển cho Trung tâm

vay vốn. Đến ngày 15/6/2016, Vinacafe Q đã dùng tiền vốn Tổng công ty cấp để trả cho Ngân hàng BIDV Bình Định, hiện nay Vinacafe Q không còn dư nợ vay Ngân hàng BIDV Bình Định.

Thực hiện chỉ đạo theo Công văn số 266/TCT-TCKT ngày 20/4/2015 của Tổng công ty về việc đối chiếu công nợ, hàng hóa giữa các đơn vị phụ thuộc, Vinacafe Q tạm thời không tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/01/2015 đối với nợ phải thu của Trung tâm; theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/10/2016 giữa Trung tâm và Vinacafe Q, từ sau ngày 21/9/2016 đến ngày 18/10/2016, Trung tâm đã trả thêm cho Vinacafe Q 5.811.373.176 đồng nợ gốc. Hiện tại, còn nợ Vinacafe Q số tiền gốc là 39.205.246.824 đồng.

Kết quả xác minh tại Trung tâm thể hiện:

Việc Trung tâm ký kết Hợp đồng 01 với Vinacafe Q không có phương án vay vốn, không có văn bản báo cáo và không được sự đồng ý phê duyệt của Tổng giám đốc Tổng công ty. Trong Báo cáo tài chính từ năm 2010 đến 2013, Trung tâm hạch toán số tiền vay của Vinacafe Q vào tài khoản 331 (phải trả trước cho người bán); Báo cáo tài chính từ năm 2014 đến tháng 6/2016, hạch toán vào tài khoản 336 (phải trả nội bộ).

Trung tâm sử dụng số tiền 116.800.000.000 đồng vay của Vinacafe Q không đúng mục đích để thu mua cà phê như nội dung của hợp đồng vay vốn mà dùng vào việc trả nợ cho các khế ước vay nợ trước đó tại các tổ chức tín dụng và một phần dùng chi cho hoạt động của Trung tâm, cụ thể như sau:

+ Trả nợ vay Ngân hàng Agribank chi nhánh 3, Thành phố Hồ Chí Minh 52.923.078.000 đồng để được giải chấp số lượng 3.620.487 kg cà phê; xuất khẩu thu về 6.235.202,44 USD (tương đương 122.811.175.350 đồng); sau đó sử dụng tiền bán ngoại tệ cho Ngân hàng BIDV Bình Định, trả nợ cho Vinacafe Q số tiền 9.572.800.000 đồng. Số tiền còn lại Trung tâm tiếp tục sử dụng quay vòng vốn để kinh doanh.

+ Trả nợ vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh 20.239.727.806 đồng để được giải chấp số lượng 1.493.211 kg cà phê; xuất khẩu thu về 2.804.688,49 USD (tương đương 58.315.890.127 đồng); sau đó sử dụng tiền bán ngoại tệ cho Ngân hàng BIDV Bình Định, trả nợ cho Vinacafe Q số tiền 6.625.100.000 đồng. Số tiền còn lại Trung tâm tiếp tục sử dụng quay vòng vốn để kinh doanh.

+ Trả nợ vay Ngân hàng Techcombank chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: 10.000.000.000 đồng trả nợ cho Khế ước nhận nợ số 35420 ngày 31/7/2010 số tiền 16.000.000.000 đồng mà Trung tâm đã vay Ngân hàng Techcombank chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để ứng trước tiền mua cà phê cho Công ty xuất nhập khẩu Cà phê Đà Lạt (gọi tắt là Vinacafe Đà Lạt) theo Hợp đồng số 16/HĐKT/2010 ngày 26/7/2010 và hợp đồng số

17/HĐKT/2010 ngày 26/7/2010. Sau đó, Vinacafe Đà Lạt chưa giao hàng, vẫn đang nợ Trung tâm số tiền đã nhận.

+ Sử dụng 5.000.000.000 đồng ký quỹ để kinh doanh cà phê trên thị trường kỳ hạn. Trung tâm đã kinh doanh cà phê trên mạng và thua lỗ tổng cộng 12.445.650.814 đồng, trong đó có số tiền 5.000.000.000 đồng vay của Vinacafe Q để ký quỹ kinh doanh.

+ Sử dụng 11.000.000.000 đồng để xử lý nợ vay và nợ khách hàng do Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh Tổng công ty cà phê V (gọi tắt là Vinacafe Saigon) bàn giao, gồm: 10.000.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng Agribank chi nhánh Sài Gòn thay cho Vinacafe Saigon và 1.000.000.000 đồng trả cho Doanh nghiệp tư nhân Đông Hải thay cho Vinacafe Saigon vì khi tiếp nhận Vinacafe Saigon tháng 6/2010, Vinacafe Saigon còn nợ ngân hàng và Doanh nghiệp tư nhân Đông Hải.

+ Trả tiền mua cà phê cho các đơn vị thành viên và khách hàng khác: 17.176.462.257 đồng;

+ Chi trả lương cho cán bộ công nhân viên Trung tâm 249.975.898 đồng;

+ Chi trả chi phí xuất nhập khẩu cà phê 210.755.939 đồng;

Việc trả nợ vay cho Vinacafe Q: Từ ngày 12/8/2010 đến ngày 11/5/2011, Trung tâm đã 19 lần bán tổng cộng 3.674.200 USD (thu được từ việc xuất khẩu cà phê) cho Ngân hàng BIDV Bình Định và sử dụng trả nợ vay cho Vinacafe Q được 71.783.380.000 đồng. Đến ngày 18/10/2016, Trung tâm trả Vinacafe Q tiếp 5.811.373.176 đồng nợ gốc. Hiện còn nợ Vinacafe Q số tiền gốc 39.205.246.824 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/10/2016.

Kết quả xác minh tại Tổng công ty:

Tổng công ty xác định không nhận được bất cứ báo cáo, phương án, kế hoạch nào của Trung tâm và Vinacafe Q về việc Vinacafe Q cho Trung tâm vay vốn; chỉ biết việc này khi Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty có văn bản số 377/TCT-TCKT ngày 18/5/2011 yêu cầu Trung tâm thực hiện khóa sổ lập Báo cáo tài chính tại ngày 31/5/2011 để bàn giao giữa Nguyễn Công H với ông Phạm Trung T – được bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm thay bị cáo H và Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 13/6/2011 giữa Vinacafe Q với Trung tâm cùng tổng số tiền Trung tâm còn nợ là 51.443.578.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi). Phía Tổng công ty cũng khẳng định không có cuộc họp nào trong các ngày 28/7/2010 và 11/8/2010 như lời khai của Nguyễn Công H và Nguyễn N.

Từ năm 2010 đến năm 2012, Tổng công ty đã thực hiện kiểm tra tài chính tại Trung tâm và Vinacafe Q. Phương pháp kiểm tra theo hình thức chọn

mẫu, dựa trên chứng từ, hồ sơ, sổ sách, báo cáo tài chính do đơn vị cung cấp; thời gian kiểm tra từ 01 đến 02 ngày đối với toàn bộ các giao dịch đã diễn ra trước đó trong thời gian từ 09 tháng tới 01 năm; không kiểm tra chi tiết các khoản nợ phải thu, nợ phải trả... Quá trình kiểm tra không phát hiện ra việc vay vốn giữa hai đơn vị, nguyên nhân do Trung tâm và Vinacafe Q tự điều chỉnh Báo cáo tài chính, hạch toán trên tài khoản 331 (trả trước cho khách hàng) và tài khoản 1368 (phải thu nội bộ). Vì vậy Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty không phát hiện được việc cho vay này.

Lời khai thu thập được trong quá trình điều tra:

- Bị cáo Nguyễn N khai: Vào khoảng cuối tháng 7/2010, tại một cuộc họp do ông Đỗ Văn N (Tổng Giám đốc Tổng công ty) chủ trì tại Văn phòng Tổng công ty, thành phần gồm có: Nguyễn N, ông Nguyễn Công H, ông Nguyễn Văn M (Trưởng Ban tài chính kế toán), ông Nguyễn Đại N (Giám đốc Công ty cà phê Iagrai), Ông Y (Giám đốc Công ty cà phê Eatul); bị cáo H có báo cáo xin ý kiến ông N về việc huy động vốn của Vinacafe Q; cuộc họp này không lập biên bản và không có văn bản nào có ý kiến chỉ đạo của ông N về việc Vinacafe Q cho Trung tâm vay vốn. Trước khi ký kết, thực hiện Hợp đồng 01, Trung tâm và Vinacafe Q không có phương án vay vốn, hoặc báo cáo bằng văn bản cho Tổng công ty, cũng không được Tổng công ty phê duyệt đồng ý việc cho nhau vay vốn.

- Bị cáo Nguyễn Công H khai: Bị cáo được giao nhiệm vụ phụ trách mảng tín dụng xuất khẩu của Tổng công ty, thay mặt Tổng giám đốc Tổng công ty đàm phán, ký kết các hợp đồng tín dụng với các tổ chức tín dụng để tạo nguồn vốn phục vụ cho việc kinh doanh xuất khẩu cà phê của Tổng công ty theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh xuất khẩu cà phê của Tổng công ty trước Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị Tổng công ty; đồng thời là Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng công ty về hiệu quả kinh doanh cũng như mọi vấn đề phát sinh (nếu có) từ các hợp đồng kinh tế do Trung tâm ký và thực hiện. Vào khoảng cuối tháng 7/2010, tại một cuộc họp do ông Đỗ Văn N (Tổng Giám đốc Tổng công ty) chủ trì tại Văn phòng Tổng công ty, thành phần gồm có: Nguyễn Công H, Nguyễn N (Giám đốc Vinacafe Q), ông Nguyễn Văn M (Trưởng Ban tài chính kế toán), ông Nguyễn Đại N (Giám đốc Công ty cà phê Iagrai), Ông Y (Giám đốc Công ty cà phê Eatul); bị cáo có báo cáo xin ý kiến ông N về việc huy động vốn của Vinacafe Q nhưng không lập biên bản. Cuộc họp này cũng không có biên bản và không có văn bản nào có ý kiến chỉ đạo của ông N về việc Vinacafe Q cho Trung tâm vay vốn. Trước khi ký kết, thực hiện Hợp đồng 01, Trung tâm không có phương án vay vốn, không có báo cáo bằng văn bản cho Tổng công ty, cũng không được Tổng công ty phê duyệt đồng ý cho vay vốn của Vinacafe Q.

- Ông Đoàn Đình T (nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty) khai: được giao nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động và thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và pháp luật có liên quan. Trong thời gian làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) Tổng công ty, ông không có chủ trương về việc Vinacafe Q cho Trung tâm vay vốn. Việc hai đơn vị cho nhau vay vốn không có báo cáo bằng văn bản gửi Tổng công ty xin ý kiến chỉ đạo và Tổng công ty cũng không có văn bản nào chỉ đạo và đồng ý về việc này. Ông T cũng không tham gia cuộc họp bàn nào để đưa ra nghị quyết về việc Vinacafe Q cho Trung tâm vay vốn, không biết gì về việc hai đơn vị này ký hợp đồng vay vốn. Đến tháng 9/2016, khi Cơ quan điều tra mời làm việc và hỏi về việc hợp đồng vay vốn thì ông Thiêm mới biết.

- Ông Đỗ Văn N (nguyên Tổng giám đốc Tổng công ty) khai: Ông N được giao phụ trách chung hoạt động của Tổng công ty, trực tiếp phụ trách về các lĩnh vực: kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản; tổ chức cán bộ; tài chính kế toán của Tổng công ty. Trong thời gian ông N làm Tổng giám đốc, Tổng công ty không có chủ trương hoặc phê duyệt đồng ý về việc Vinacafe Q cho Trung tâm vay vốn; ông N không tham gia cuộc họp bàn nào để chỉ đạo Vinacafe Q cho Trung tâm vay vốn, không biết gì hợp đồng vay vốn giữa hai đơn vị; đến tháng 9/2016, khi Cơ quan điều tra mời làm việc và hỏi về việc ký hợp đồng vay vốn này, ông N mới biết.

- Ông Nguyễn Văn M (nguyên Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty, nay là Tổng giám đốc Tổng công ty) khai: Ông M được giao điều hành chung công tác tài chính kế toán của Tổng công ty, tham mưu cho Hội đồng thành viên, ban điều hành về công tác tài chính kế toán... Ông M xác nhận không có cuộc họp ngày 28/7/2010 do ông Đỗ Văn N - Tổng giám đốc chủ trì, chỉ đạo đồng ý cho Trung tâm vay vốn của Vinacafe Q. Trong việc vay vốn này, Trung tâm và Vinacafe Q không có báo cáo và phương án vay được Tổng công ty phê duyệt; việc ký Hợp đồng 01 là trái với Nghị định 09/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ, Quyết định 92/TCT-TGD ngày 05/02/2009 của Tổng Giám đốc Tổng công ty.

- Ông Đỗ Xuân H (Phó Ban Tài chính - Kế toán Tổng công ty); ông Nguyễn Thanh T (chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán Tổng công ty) và ông Nguyễn Văn T (chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán Tổng công ty) khai: được Tổng công ty giao nhiệm vụ kiểm tra hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm 2010 và 06 tháng đầu năm 2011 của Vinacafe Q. Qua các lần kiểm tra, Tổ kiểm tra không phát hiện được khoản tiền Vinacafe Q cho Trung tâm vay theo Hợp đồng 01 do hạch toán vào tài khoản 331 (trả trước người bán) và tài khoản 1368 (phải thu nội bộ) mà không hạch toán vào tài khoản cho vay. Việc Vinacafe Q cho Trung tâm vay vốn khi không có phương án được Tổng công ty phê duyệt và tự điều chỉnh hạch toán như vậy là trái với Nghị định 09/NĐ-CP ngày 05/02/2009 và Quyết định 92/TCT-TGD ngày 05/02/2009.

- Ông Phạm Trung T (nguyên Giám đốc Trung tâm) (hiện đang là bị cáo trong vụ án khác) khai: Ngày 30/5/2011, Tổng công ty có Quyết định số 279/QĐ-TCCB giao nhiệm vụ cho ông T phụ trách Trung tâm từ ngày 01/6/2011. Khi nhận bàn giao tài sản với Nguyễn Công H thì biên bản có thể hiện số tiền 45.016.620.000 đồng Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe phải trả nợ cho Vinacafe Q, từ đó, ông T biết việc Trung tâm có nghĩa vụ trả nợ cho Vinacafe Q nhưng do vào thời điểm nhận bàn giao này, Trung tâm còn khoản lỗ gần 30.000.000 đồng và phải giải quyết các nghĩa vụ tài chính khác như: Nợ ngân hàng (hơn 170.000.000.000 đồng), tiền trả cho khách hàng (khoảng 16.000.000.000 đồng), các khoản phải trả liên quan đến bảo hiểm xã hội, khoản tiền ký quỹ bảo hiểm cà phê... nên Trung tâm không có tiền để thanh toán cho Vinacafe Q. Việc Trung tâm nợ Vinacafe Q khoản tiền gốc 45.016.620.000 đồng không thanh toán được là trách nhiệm của bị cáo Nguyễn Công H, ông T hoàn toàn không biết gì về Hợp đồng 01 giữa Trung tâm với Vinacafe Q.

- Ông Nguyễn Văn H (nguyên Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty) khai: Ông được phân công về Tổng công ty vào tháng 3/2013 là sau thời điểm vụ việc xảy ra nên không biết Tổng công ty có văn bản nào phê duyệt việc Vinacafe Q cho Trung tâm vay vốn hay không. Tuy nhiên, trước khi có Kết luận thanh tra, ông cũng không được nghe các bị cáo Nguyễn Công H, Nguyễn N giải trình, báo cáo về sự việc này; không biết có cuộc họp ngày 28/7/2010 và ngày 11/8/2010 tại trụ sở Tổng công ty.

- Bà Lê Anh T (Phó phòng phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán Trung tâm) khai: bà T được giao phụ trách chung hoạt động của Phòng, lập các báo cáo tài chính định kỳ theo quy định, các báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh của Trung tâm theo yêu cầu của Giám đốc hoặc của Tổng công ty. Ngày 03/8/2010, bị cáo Hoàng đã chỉ đạo bà T soạn thảo hợp đồng số 01 giữa Trung tâm và Vinacafe Q để ông H ký kết với ông Nguyễn N, Giám đốc Vinacafe Q. Lúc đó bà T nhận thức ông H là Giám đốc Trung tâm và cũng là Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty, nên hợp đồng vay vốn này là đã được sự đồng ý của Tổng công ty; vì vậy, bà T thực hiện theo đúng chỉ đạo của Nguyễn Công H. Việc hạch toán tiền vay của Vinacafe Quy Nhơn, do bà T nhận thức việc ký hợp đồng vay vốn này chính là việc mua bán ngoại tệ giữa hai bên nên đã hạch toán vào tài khoản 331 (phải trả người bán) để theo dõi số ngoại tệ mà Trung tâm còn phải trả Vinacafe Q tương ứng tiền đã nhận để có kế hoạch trả nợ. Ngoài ra, hàng năm đều có Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, nên bà T tin tưởng vào nghiệp vụ kế toán đã làm cho Trung tâm. Trong việc soạn thảo Hợp đồng 01 theo chỉ đạo của ông H và theo dõi hạch toán việc thực hiện, bà T không được hưởng lợi gì.

- Bà Bùi Thị Thanh L (Kế toán trưởng của Vinacafe Q) khai: Bà L được giao phụ trách chung hoạt động của Phòng Tài chính - Kế toán Vinacafe Q, lập các báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ, báo

cáo thuế và các chứng từ thanh toán, quyết toán của Vinacafe Q theo yêu cầu của Giám đốc. Khi nhận được bản fax Hợp đồng 01 thì đã có chữ ký của Nguyễn Công H - Giám đốc Trung tâm và đóng dấu của Trung tâm; do tin tưởng vào sự chỉ đạo bằng miệng của ông Nguyễn N là đã được sự đồng ý của Tổng công ty về việc cho Trung tâm vay vốn nên bà L đã chỉ đạo cán bộ kế toán làm thủ tục chuyển tiền cho Trung tâm trên cơ sở các Giấy đề nghị chuyển tiền. Việc hạch toán theo dõi số tiền chuyển cho Trung tâm vay trên tài khoản 331 (phải trả trước người bán) do bà L tự thực hiện vì nhận thức tại thời điểm đó là tiền hai đơn vị mua bán ngoại tệ với nhau. Ngoài ra, hàng năm đều có kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính nên bà L tin tưởng vào việc hạch toán tài chính kế toán của mình là đúng; trong việc này bà L không được hưởng lợi gì.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2018/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo H, N);

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 275, Điều 288, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công H, Nguyễn N phạm tội: “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Xử phạt:

1. Nguyễn Công H: 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2016 (bắt trong vụ án khác).

2. Nguyễn N: 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 22/9/2016 đến ngày 28/4/2017.

Buộc các bị cáo Nguyễn Công H, Nguyễn N có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 24.205.246.824 (hai mươi bốn tỷ hai trăm lẻ năm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi bốn) đồng cho Tổng công ty cà phê V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/4/2018, bị cáo Nguyễn Công H có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và phân trách nhiệm dân sự.

Ngày 26/4/2018, bị cáo Nguyễn N có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và phân trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Công H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan, cho rằng: Các bị cáo không làm thất thoát tài sản của nhà nước, các khoản tiền này sử dụng để hoạt động kinh doanh và trả nợ cho Tổng công ty cà phê V. Bị cáo chuyển tiền cho Vinacafe Đà Lạt cũng là đơn vị trực thuộc Tổng công ty cà phê V nay họ vẫn tiếp tục trả nợ, không thất thoát tài sản. Việc thực hiện Hợp đồng 01 bị cáo thường xuyên báo cáo với Tổng công ty cà phê V. Đề nghị xem xét lại vai trò của người phụ trách tài chính kế toán của Tổng công ty. Tiêu đề của hợp đồng là hợp đồng vay vốn nhưng thực chất là hợp đồng hợp tác kinh doanh. Năm 2010, bị cáo được tặng Bằng khen của Thủ tướng, còn bị cáo N được tặng thưởng Huân chương lao động hạng II vì thành tích kinh doanh. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo không được đối chất với những người liên quan để làm rõ. Án sơ thẩm xử bị cáo tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” là oan cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan vì cho rằng: Tổng công ty cà phê V không có thiệt hại nhưng cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo gây thiệt hại số tiền 36.105.246.824 đồng là không đúng, bởi vì: Trung tâm xuất nhập khẩu đã sử dụng 10 tỷ đồng để trả nợ ngân hàng Techcombank đã được Tổng công ty phê duyệt; đã sử dụng 10 tỷ đồng trả nợ cho ngân hàng Agribank Sài Gòn và trả cho DNTN Đông Hải 01 tỷ đồng là các khoản nợ của Tổng công ty cà phê V, Tổng công ty cà phê V là đơn vị phải có trách nhiệm thanh toán cho Vinacafe Sài Gòn; Ngoài ra, Tổng công ty cà phê V đã chấp nhận kế hoạch tiếp tục trả nợ giữa các đơn vị: Vinacafe Đà Lạt, Vinacafe Q và Trung tâm xuất nhập khẩu đối với số tiền 17.141.373.176 đồng. Tóm lại, bị cáo chuyển tiền cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe là làm theo chỉ đạo của Tổng giám đốc tại cuộc họp ngày 28/7/2010. Tổng công ty cà phê V không chuyển tiền cho Vinacafe Q để trả cho ngân hàng. Tiền chuyển cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe mua cà phê xuất khẩu là đều do Vinacafe Q tự làm ra. Bản thân bị cáo đã nỗ lực giúp đỡ Tổng công ty cà phê V vượt qua khó khăn. Mọi quyết định đều xin ý kiến của Tổng công ty cà phê V.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Các bị cáo Nguyễn Công H, Nguyễn N đã tự ý ký Hợp đồng 01, không có phương án vay vốn, không có báo cáo và phê duyệt của Tổng công ty. Hành vi này là trái với Nghị định của Chính phủ và trái với Điều lệ của Tổng công ty cà phê V gây thất thoát 36 tỷ đồng không có khả năng thu hồi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo phạm tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo kêu oan của các bị cáo. Tuy nhiên, về phần trách nhiệm dân sự do cấp sơ thẩm có sai sót trong tính toán gây thiệt hại tài sản nhà nước nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại phần này buộc 02 bị cáo có

trách nhiệm bồi thường 24 tỷ đồng thành bồi thường 26 tỷ đồng (lấy số tròn) cho Tổng công ty cà phê V.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H trình bày: Bản chất Hợp đồng 01 không phải là vay tiền của nhau. Khi thành lập Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe không có tiền vốn, có dư nợ. Do 02 đơn vị có đặc thù một bên xuất khẩu, một bên nhập khẩu nên mới hợp tác để lấy vốn kinh doanh. Tổng công ty mỗi lần kiểm tra đều rất kỹ nhưng nói không biết vấn đề này là không đúng. Cần phải xem xét hoàn cảnh, động cơ, mục đích của các bị cáo. Các bị cáo chỉ thực hiện để phục vụ mục đích kinh doanh. Khi Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe mới thành lập. Tổng công ty cà phê V cho phép đi vay, các bị cáo chỉ sai về hạch toán chứ không đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo cũng đã bị kỷ luật với hình thức cách chức.

Luật sư bào chữa cho bị cáo N trình bày: Bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về phần bồi thường. Nay đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa án sơ thẩm về phần này (từ 24 tỷ đồng thành 26 tỷ đồng) là không đúng pháp luật.

Về tố tụng: Cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng: Người tiến hành tố tụng – kiểm sát viên Nguyễn Thanh H với người liên quan ông Nguyễn Văn M có biểu hiện không vô tư, khách quan trong quá trình giải quyết vụ án. Lấy tiền của pháp nhân để xem là khắc phục hậu quả cho 2 bị cáo là không có căn cứ pháp luật.

Về nội dung: Cấu thành tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” là phải có dấu hiệu thất thoát, cơ sở thiệt hại là không chính xác. Việc lấy tiền của các đơn vị con để cản trở cho tiền bồi thường của các bị cáo là không đúng, nhưng Tổng công ty không có ý kiến. Còn số tiền Tổng công ty cà phê V yêu cầu bồi thường không dựa vào sổ sách mà dựa vào cáo trạng của Viện kiểm sát. Bản án hình sự tuyên sai số tiền bồi thường công ty cũng không có ý kiến. Các khoản tiền nợ đều sử dụng vào mục đích kinh doanh chứ không phải trả nợ vay. Các khoản đã chuyển cho Vinacafe Đà Lạt thì đã hạch toán để trả nợ được Tổng công ty đồng ý, sắp xếp nợ vay giữa 03 đơn vị. Vinacafe Đà Lạt đã và đang thực hiện việc trả nợ. Cáo trạng cáo buộc Vinacafe Đà Lạt không còn khả năng kinh doanh nên tính toán con số thất thoát như vậy là không đúng. Về khoản nợ vay, cân đối nợ của Vinacafe Sài Gòn là dương khi bàn giao cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe là không đúng với tình hình tài chính của Vinacafe Sài Gòn.... Chuyển giao toàn bộ nợ cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe. Nếu Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe không thanh toán nợ thì Tổng công ty sẽ dừng hoạt động vì sẽ không có ngân hàng nào cho vay. Việc trả nợ thay là có chỉ đạo của Tổng công ty. Khi nhận được thông báo của ngân hàng Agribank thì Tổng công ty đã chỉ đạo Trung tâm xuất nhập khẩu đã dùng tiền từ Vinacafe chuyển qua để trả nợ thay (trả cho Ngân hàng Agribank).

Theo luật sư thì bị cáo không gây thiệt hại gì và việc cho Trung tâm vay là có sự chỉ đạo nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty cà phê V trình bày: Các khoản nợ của Trung tâm xuất nhập khẩu là khoản nợ khó đòi. Cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ nhiều lần để điều tra lại về số nợ, cản trở cho bị cáo một phần là đã có lợi cho các bị cáo bởi phần này Tổng công ty đồng ý. Số tiền cản trở sau khi trừ đi phải là 26 tỷ nhưng cấp sơ thẩm tuyên 24 tỷ đồng là không chính xác. Mặc dù Tổng công ty không kháng cáo. Tuy nhiên, vấn đề này là do nhầm lẫn về cách tính nên có thể sửa được. Các bị cáo kháng cáo kêu oan đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo. Nếu các bị cáo có tội thì đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, thì dấu hiệu bắt buộc để xác định hành vi của người nào đó đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là phải có thiệt hại nghiêm trọng xảy ra. Như vậy việc xác định chính xác thiệt hại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc định tội, định khung hình phạt và xem xét khi lượng hình.

[2] Trong vụ án này, Viện kiểm sát nhân dân truy tố bị cáo H và bị cáo N phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” do gây thiệt hại cho Tổng công ty cà phê V 45.016.620.000 đồng. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm lại xác định 02 bị cáo chỉ gây thiệt hại cho Tổng công ty cà phê V là 35.016.620.000 đồng vì trước ngày khởi tố Vinacafe Đà Lạt đã có cam kết trả nợ cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe và đã được Tổng công ty cà phê V đồng ý phê duyệt kế hoạch trả nợ.

Các bị cáo và luật sư của các bị cáo thì cho rằng không có thiệt hại vì số tiền mà Vinacafe Q chuyển cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe. Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe đã trả nợ thay Vinacafe Sài Gòn đã giải thể là theo sự chỉ đạo của Tổng công ty cà phê V và dùng để kinh doanh.

[3] Xét thấy bản án sơ thẩm nhận định đến ngày 31/5/2010 khi cân đối tài chính là +1.013.141.840 đồng. Như vậy, với toàn bộ giá trị tài sản nhận bàn giao từ Vinacafe Sài Gòn thì Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe vẫn đảm bảo cân đối tài chính và đủ khả năng trả nợ là không đúng. Bởi lẽ: Căn cứ Biên bản bàn giao Tổng hợp nguyên trạng Vinacafe Sài Gòn tại thời điểm ngày 31/5/2010 được ký ngày 19/7/2010 cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe

thì: Tổng giá trị tài sản bàn giao là 61.502.739.752 đồng (gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, các khoản thu, cho ứng trước....). Tổng công nợ phải trả là 138.816.352.782 đồng. Như vậy, tại thời điểm này là âm 77.303.600.782 đồng, không phải dương 1.013.141.840 đồng như án sơ thẩm nhận định.

Trong khoản nợ 138.816.352.782 đồng thì nợ Ngân hàng Agribank 89.300.000.000 đồng, lúc này Tổng công ty cà phê V đang là bên vay của Agribank Sài Gòn. Khi Agribank Sài Gòn có văn bản đòi nợ thì Tổng công ty đã có nhiều văn bản yêu cầu Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe trả nợ cho Agribank Sài Gòn. Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe đã dùng 10 tỷ vay của Vinacafe Q để trả cho Ngân hàng Agribank Sài Gòn thay cho Tổng công ty.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Tổng công ty cà phê V cũng đồng ý khấu trừ khoản tiền này cho 02 bị cáo. Ngoài ra, Vinacafe Đà Lạt nợ Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe 17.141.373.176 đồng, khoản nợ này đã được Tổng công ty chỉ đạo và chấp nhận kế hoạch trả nợ giữa 03 bên. Theo đó, Vinacafe Đà Lạt trả nợ Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe và Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe sẽ chuyển số tiền này cho Vinacafe Q. Trên thực tế Vinacafe Đà Lạt đã và đang thực hiện việc trả nợ Trung tâm xuất nhập khẩu và Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe đã dùng chính nguồn tiền đó để chuyển trả cho Vinacafe Q theo cam kết 03 bên. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Tổng công ty cà phê V cũng xác nhận cam kết thỏa thuận 3 bên hiện nay vẫn còn hiệu lực và các bên đang thực hiện. Mặc khác, bản án sơ thẩm còn nhận định trong tổng số hàng tồn kho trên 8 trăm tấn cà phê có nguồn gốc từ tiền vay của Ngân hàng Techcombank mà không có nguồn gốc từ tiền vay của Vinacafe Q đã chuyển cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe, chỉ dựa vào lời khai của bà Lê Anh T – Kế toán của Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe là chưa có căn cứ vững chắc.

[5] Để có căn cứ giải quyết vụ án cần phải làm rõ từng lần Vinacafe Q chuyển tiền cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe và số tiền đó được dùng vào việc gì và hiện nay có thu hồi được hay không. Nếu không thu hồi được thì mới xem là thiệt hại. Mặc khác, theo lời khai của bị cáo N và bị cáo H thì việc chuyển tiền giữa 02 đơn vị là có ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty thông qua cuộc họp ngày 28/10/2010. Tại Nghị quyết Hội đồng thành viên Tổng công ty cà phê V số 303 ngày 25/4/2014, có nội dung lãnh đạo Tổng công ty cà phê V có chỉ đạo việc chuyển tiền từ Vinacafe Q sang Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe trong cuộc họp ngày 28/10/2010. Ngoài ra, ông Lê Thế H - giám đốc công ty TNHH MTV cà phê Eatul có mặt tại buổi họp ngày 28/10/2010 cũng xác nhận cuộc họp có nội dung công ty Vinacafe Q cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe vay số tiền 50.000.000.000 đồng để thu mua cà phê tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty cà phê V. Sau đó, xuất khẩu thu ngoại tệ về bán lại cho ngân hàng BIDV Bình Định để ngân hàng bán

lại cho Vinacafe Q. Vinacafe Q mua phân bón phục vụ ngành cà phê. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không lấy lời khai của ông H và những người có mặt trong buổi họp Hội đồng thành viên ngày 25/4/2014 và cho đối chất để làm rõ có hay không có việc chỉ đạo trên. Nếu không có chỉ đạo của lãnh đạo Tổng công ty cà phê V thì Vinacafe Q sẽ không chuyển tiền cho Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe vì Vinacafe Q và bản thân bị cáo N hoàn toàn không được hưởng lợi lộc gì. Mặt khác, bị cáo Nguyễn Công H không chỉ làm giám đốc Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe mà bị cáo còn là Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cà phê V - phụ trách kinh doanh. Bị cáo H khẳng định việc chuyển tiền từ Vinacafe Q sang Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe là có bàn bạc, thống nhất trong lãnh đạo Tổng công ty cà phê V, nên cần phải đối chất làm rõ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay do vắng mặt Tổng giám đốc - Tổng công ty cà phê V cũng như một số nhân chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không thể tiến hành đối chất và không thể làm rõ số tiền thực tế thất thoát không có khả năng thu hồi là bao nhiêu tiền nên chưa đủ căn cứ giải quyết vụ án. Vì vậy, cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao lại cho cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại theo thủ tục chung. Hơn nữa trong phần trách nhiệm dân sự bản án sơ thẩm nhận định: Thiệt hại của Tổng công ty cà phê V được xác định là 35.016.620.000 đồng. Nhưng sau đó Trung tâm xuất nhập khẩu Vinacafe đã trả cho Vinacafe Q được số tiền 8.811.373.176 đồng. Lẽ ra phải buộc các bị cáo liên đới bồi thường 26.205.246.842 đồng mới đúng, nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc bồi thường 24.205.246.824 đồng là gây thiệt hại cho Tổng công ty cà phê V (ngân sách Nhà nước). Sau khi xét xử sơ thẩm Tổng công ty cà phê V không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cũng không có kháng nghị phần này. Nếu sửa án theo hướng đề nghị của Viện kiểm sát là bất lợi cho 02 bị cáo.

[7] Từ những nhận định trên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công H và bị cáo Nguyễn N cũng như đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[8] Do hủy bản án nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công H và Nguyễn N.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2018/HS-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại vụ án.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Công H cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Công H, Nguyễn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh;
- Công an TP Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam T17;
- (Đề t/đ cho bị cáo)
- BCTN (1);
- Dương sự (9);
- Lưu VP (3). HS (2). 24b (án 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trung Tuấn**